

Số: 03/BB-ĐHĐCĐ

Cà Mau, ngày 03 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

- Tại trụ sở: Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu;
- Địa chỉ trụ sở công ty: Số 92 đường Lê Duẩn, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Mã số doanh nghiệp: 1900605680;

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 4 năm 2026 (thứ sáu) tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) đã được tiến hành.

I. Thành phần tham dự và tính hợp pháp, hợp lệ của phiên họp

1. Thành phần tham dự và khách mời:

1. Ông Võ Minh Trang - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tọa;
2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc;
3. Ông Lê Thanh Bảo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ – Trưởng Ban kiểm soát.
5. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách số 01-2026/CĐ-CNBL ngày 06/3/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của phiên họp:

Ông Nguyễn Hữu Tài - Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự họp tại thời điểm khai mạc:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời tham dự họp là 118 cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần của Công ty là 11.168.800 cổ phần. (Căn cứ danh sách số 01-2026/CĐ-CNBL ngày 06/3/2026 Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

Trong đó:

- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự họp thời điểm 08 giờ 00 phút là 33 cổ đông, đại diện cho 11.064.800/11.168.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.07 % tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ đông vắng mặt là 85 cổ đông, đại diện 104.000 cổ phần, chiếm 0.93 % tổng số cổ phần.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ của



Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu. Tổng số cổ đông đại diện cho 11.064.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99.07 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã có mặt. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

II. Thông qua Chương trình họp, Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội.

1. Thông qua Chương trình họp Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu:

Bà Đặng Thị Ngọc Xuân - Thành viên Ban tổ chức trình bày nội dung Chương trình họp, danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu. (Đính kèm Chương trình họp) Gồm các thành viên sau:

1.1. Đoàn Chủ tọa:

- Ông Võ Minh Trang - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa;
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên;
- Ông Lê Thanh Bảo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên.

1.2. Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội:

- Ông Lê Thành Tấn.

1.3. Trình Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

- Ông Lê Minh Thiện - Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Hữu Tài - Thành viên;
- Ông Nguyễn Đình Bảo - Thành viên.

Cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 33 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp;
- Tổng số phiếu không tán thành: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp.

2. Thông qua Dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội.

Bà Đặng Thị Ngọc Xuân - Thành viên Ban tổ chức thông qua Dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội (Đính kèm Dự thảo Quy chế làm việc)

Cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành: 33 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp;

- Tổng số phiếu không tán thành: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Phiên họp.

III. Thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình và biểu quyết.

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty, đại diện Hội đồng quản trị (HĐQT) trình bày kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Đính kèm Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 09/3/2026 của HĐQT).

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Đính kèm Báo cáo số 06/BC-BKS ngày 06/3/2026 của Ban Kiểm soát).

3. Thông qua các Tờ trình.

Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày thông qua các Tờ trình như sau:

3.1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 (Đính kèm Tờ trình).

3.2. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025.

Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025 (Đính kèm Tờ trình). Chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.804.615.026
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý năm 2025	Đồng	4.531.625.000
3	Chia cổ tức 6,5% VDL	Đồng	7.259.720.000

- Chi trả cổ tức năm 2025 thực hiện qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản tổ chức và cá nhân của từng cổ đông. Chỉ chi trả tiền mặt trực tiếp tại Công ty khi cổ đông chưa có tài khoản tại ngân hàng.

- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến vào tháng 8 năm 2026, sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định.



Ông Lê Thanh Bảo, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày thông qua các Tờ trình như sau:

3.3. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Đính kèm Tờ trình). Chi tiết như sau:

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (%)	Kế hoạch năm 2026
I	Chỉ tiêu sản xuất		
1	Sản lượng nước khai thác (m ³)		8.880.000
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)		7.831.000
II	Chỉ tiêu kinh doanh		
1	Tổng doanh thu		73.702.660.000
2	Tổng chi phí		59.800.100.000
3	Lợi nhuận trước thuế		13.902.560.000
4	Thuế TNDN		1.536.256.000
5	Lợi nhuận sau thuế		12.366.304.000
III	Đầu tư xây dựng cơ bản		13.317.000.000
IV	Phân phối lợi nhuận sau thuế		
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng người quản lý (²)	36,85	4.556.643.291
2	Quỹ đầu tư phát triển	6,25	773.316.709
3	Trả cổ tức tối thiểu 5% VĐL	56,90	7.036.344.000

3.4. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026.

Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026. (Đính kèm Tờ trình), cụ thể như sau:

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Thành viên Hội đồng quản

trị, Ban kiểm soát năm 2025**1.1. Tiền lương thực hiện của Hội đồng quản trị**

Quỹ tiền lương thực hiện năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: **725.511.600 đồng** = (60.459.300 đồng x 12 tháng)

1.2. Thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn (20% mức lương cơ bản)	Số tháng	Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2025
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	26.000.000	5.200.000	12	62.400.000
3	Thành viên BKS	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
	Tổng cộng					302.400.000

1.3. Tiền thưởng thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	90.688.950
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
	Tổng cộng		113.488.950

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026**2.1. Tiền lương kế hoạch của Hội đồng quản trị**

Quỹ tiền lương kế hoạch năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: **799.200.000 đồng** = (66.600.000 đồng x 12 tháng)

2.2. Thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn	Số tháng	Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	31.000.000	5.200.000	12	62.400.000

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn	Số tháng	Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026
3	Thành viên BKS	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
	Tổng cộng					302.400.000

2.3. Tiền thưởng kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	99.900.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
	Tổng cộng		122.700.000

3.5. Tờ trình thông qua đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số 05/TTr-BKS ngày 06/3/2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về việc thông qua đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty (Đính kèm Tờ trình).

4. Thảo luận và đóng góp ý kiến của cổ đông.

Cổ đông tiến hành thảo luận và đóng góp ý kiến về các nội dung liên quan đến các Báo cáo và Tờ trình nêu trên.

Chủ tọa trả lời trực tiếp, đầy đủ các vấn đề cổ đông quan tâm.

Tất cả cổ đông thống nhất và không có ý kiến thêm.

5. Bỏ phiếu kín thông qua các Báo cáo, Tờ trình.

Số phiếu biểu quyết 11.064.800 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại phiên họp.

Cổ đông tiến hành bỏ phiếu kín thông qua các Báo cáo, Tờ trình với kết quả biểu quyết như sau:

Vấn đề biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	11.064.800	100	0	0	0	0

Vấn đề biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	11.064.800	100	0	0	0	0
3. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.	11.064.800	100	0	0	0	0
4. Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025.	11.064.800	100	0	0	0	0
5. Tờ trình về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	11.064.800	100	0	0	0	0
6. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026.	11.064.800	100	0	0	0	0
7. Tờ trình về việc thông qua đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	11.064.800	100	0	0	0	0

6. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

6.1. Ông Lê Thành Tấn, Thư ký Đại hội đọc lại toàn văn Dự thảo Biên bản họp cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 tham dự cùng nghe.

Ông Võ Minh Trang, Chủ tọa Đại hội xin ý kiến cổ đông về Dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 33 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại phiên họp;

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại phiên họp;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 00 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại phiên họp.

6.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao Chủ tọa, Thư ký Đại hội ký ban hành Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

IV. Bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu bế mạc lúc 10 giờ 30 phút, ngày 03/4/2026, Biên bản Đại hội được đăng tải trên website của Công ty để thông tin đến toàn thể cổ đông của Công ty.

THƯ KÝ



Lê Thành Tấn

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Võ Minh Trang

Số: 04/NQ-ĐHĐCĐ

Cà Mau, ngày 06 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 28/7/2022;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 03/4/2026 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị).

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Báo cáo số 06/BC-BKS ngày 06/3/2026 của Ban Kiểm soát).

3. Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 (Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị).

Stt	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	Đồng	145.763.969.572
	- Tài sản ngắn hạn	Đồng	49.629.537.713
	- Tài sản dài hạn	Đồng	96.134.431.859
2	Tổng nguồn vốn	Đồng	145.763.969.572
	- Nợ phải trả	Đồng	18.048.134.431
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	127.715.835.141
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	79.569.386.563
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	15.443.515.845
6	Thuế TNDN	Đồng	1.847.555.819
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	13.595.960.026



4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025 (Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị).

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.804.615.026
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý năm 2025	Đồng	4.531.625.000
3	Chia cổ tức 6,5% VDL	Đồng	7.259.720.000

- Chi trả cổ tức năm 2025 thực hiện qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản tổ chức và cá nhân của từng cổ đông. Chỉ chi trả tiền mặt trực tiếp tại Công ty khi cổ đông chưa có tài khoản tại ngân hàng.

- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến vào tháng 8 năm 2026, sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định.

5. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị). Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (%)	Kế hoạch năm 2026
I	Chỉ tiêu sản xuất		
1	Sản lượng nước khai thác (m ³)		8.880.000
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)		7.831.000
II	Chỉ tiêu kinh doanh		
1	Tổng doanh thu		73.702.660.000
2	Tổng chi phí		59.800.100.000
3	Lợi nhuận trước thuế		13.902.560.000
4	Thuế TNDN		1.536.256.000
5	Lợi nhuận sau thuế		12.366.304.000
III	Đầu tư xây dựng cơ bản		13.317.000.000
IV	Phân phối lợi nhuận sau thuế		

1	Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng người quản lý ⁽²⁾	36,85	4.556.643.291
2	Quỹ đầu tư phát triển	6,25	773.316.709
3	Trả cổ tức tối thiểu 5% VDL	56,90	7.036.344.000

6. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026 (Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 09/3/2026 của Hội đồng quản trị).

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025

1.1. Tiền lương thực hiện của Hội đồng quản trị

Quỹ tiền lương thực hiện năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: **725.511.600 đồng = (60.459.300 đồng x 12 tháng)**

1.2. Thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách

Dvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn (20% mức lương cơ bản)	Số tháng	Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2025
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	26.000.000	5.200.000	12	62.400.000
3	Thành viên BKS	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
Tổng cộng						302.400.000

1.3. Tiền thưởng thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Dvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	90.688.950
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
Tổng cộng			113.488.950

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

2.1. Tiền lương kế hoạch của Hội đồng quản trị

Quỹ tiền lương kế hoạch năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: **799.200.000 đồng = (66.600.000 đồng x 12 tháng)**

2.2. Thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn	Số tháng	Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	31.000.000	5.200.000	12	62.400.000
3	Thành viên BKS	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
	Tổng cộng					302.400.000

2.3. Tiền thưởng kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	99.900.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
	Tổng cộng		122.700.000

7. Tờ trình về việc thông qua đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Tờ trình số 05/TTr-BKS ngày 06/3/2026 của Ban Kiểm soát).

Điều 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Võ Minh Trang

Số: 01/BC-HĐQT

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 28/07/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026, với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu
- Tên viết tắt: BAWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: số 92, Lê Duẩn, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại: 0291.3827777 - Fax: 0291.3824812
- Vốn điều lệ: 111.688.000.000 đồng - Số cổ phần: 11.168.800 - Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/cổ phần
- Cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2025:
 - + Vốn nhà nước: 110.176.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 98,65%
 - + Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 1.512.000.000 đồng, chiếm 1,35%

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp-thoát nước; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Kinh doanh vật tư ngành nước; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Võ Minh Trang	Chủ tịch HĐQT	25/05/2022	Đến nay
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	25/05/2022	Đến nay
3	Ông Lê Thanh Bảo	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	25/05/2022	Đến nay

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025 HĐQT duy trì tổ chức đều đặn các cuộc họp định kỳ theo quy định bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, thực hiện ban hành 12 Nghị quyết và 14 Quyết định về các vấn thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Nội dung các phiên họp tập trung vào các vấn đề định hướng phát triển Công ty và thông qua kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ trương và quyết định đối với các dự án đầu tư, các vấn đề về quản trị Công ty, chỉ đạo quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp đều được sự thống nhất của các thành viên.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ
1	Ông Võ Minh Trang	Chủ tịch HĐQT	13	100%
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	13	100%
3	Ông Lê Thanh Bảo	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	13	100%

2.2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
I Nghị quyết Hội đồng quản trị				
1	01/NQ-HĐQT	09/01/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua mức trích khen thưởng Người quản lý Công ty năm 2024.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
2	02/NQ-HĐQT	24/01/2025	Chủ tịch HĐQT	<p>1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua quỹ tiền lương thực hiện, tiền thưởng của người lao động, người quản lý và thù lao người phụ trách quản trị năm 2024.</p> <p>2. Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2025.</p>
3	03/NQ-HĐQT	03/3/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư nâng công suất khai thác nước Nhà máy Khu công nghiệp Trà Kha từ 2.000 m ³ /ngày đêm lên 2.900 m ³ /ngày đêm.
4	04/NQ-HĐQT	11/3/2025	Chủ tịch HĐQT	<p>1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu giao phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tham mưu lập dự toán xác định giá trị gói thầu thay đồng hồ hết hạn kiểm định kế hoạch năm 2025 theo danh sách khách hàng phòng Kinh doanh cung cấp gồm 6.000 hộ khách hàng.</p> <p>2. Thống nhất cải tạo, thay thế tuyến ống gang hiện hữu D300 và uPVC D114 đường Cách Mạng (đoạn từ đường Lê Duẩn - Lê Lợi) và ống D300 đường Hòa Bình để đảm bảo cho việc cung cấp nước an toàn khi có sự cố xảy ra không ảnh hưởng đến việc cung cấp nước trong khu vực.</p>
5	05/NQ-HĐQT	20/3/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua các nội dung đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
6	06/NQ-HĐQT	17/4/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thống nhất trình ĐHCĐ xem xét quyết định cho ông Nguyễn Văn Út từ chức Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 theo nguyện vọng từ ngày 01/8/2025 (văn bản ngày 28/3/2025).
7	07/NQ-HĐQT	30/6/2025	Chủ tịch HĐQT	<p>1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.</p> <p>2. Chi trả cổ tức năm 2024.</p> <p>3. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TpHCM (nay đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty và thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành thuộc vốn ngoài đầu tư công.</p>



TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
				4. Thống nhất ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
8	08/NQ-HĐQT	11/7/2025	Chủ tịch HĐQT	1. Ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý II và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý III năm 2025 của Công ty. 2. Thống nhất chuyển xếp mức lương đóng Bảo hiểm xã hội của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
9	09/NQ-HĐQT	31/7/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thống nhất điều chỉnh bổ sung các hạng mục công trình theo Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025.
10	10/NQ-HĐQT	22/9/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thống nhất: 1. Thống nhất nhân sự đề cử tham gia HĐQT theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc cử lại người đại diện phần vốn nhà nước và tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2025-2030. 2. Thống nhất nhân sự đề cử tham gia BKS theo Công văn số 4075/UBND-KTTH ngày 11/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ý kiến về nhân sự Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030. 3. Thống nhất hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030, thời gian dự kiến đến ngày 15/10/2025.
11	11/NQ-HĐQT	16/10/2025	Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thống nhất: 1. Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Lan Hương, người đại diện phần vốn NN, thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030. Thời hạn bổ nhiệm đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo qui định. 2. Bổ nhiệm Ông Lê Thanh Bảo, người đại diện phần vốn NN, thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030. Thời hạn bổ nhiệm đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo qui định. 3. Bổ nhiệm Ông Lê Thành Tấn, giữ chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm thư ký HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung
12	12/NQ-HĐQT	29/10/2025	Chủ tịch HĐQT	HĐQT thống nhất toàn bộ nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý III và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý IV năm 2025 của Công ty (Báo cáo số 44/BC-CTY ngày 28/10/2025 của Chủ tịch HĐQT)
II Quyết định Hội đồng quản trị				
1	01/QĐ-HĐQT	09/01/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc Khen thưởng Người quản lý năm 2024.
2	02/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Chủ tịch HĐQT	Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người lao động, Người quản lý, Người phụ trách quản trị năm 2024.
3	03/QĐ-HĐQT	20/3/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc ban hành Kế hoạch lao động; tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, người quản lý năm 2025.
4	04/QĐ-HĐQT	20/3/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
5	05/QĐ-HĐQT	30/6/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc ban hành Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
6	06/QĐ-HĐQT	30/6/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc chi trả cổ tức năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
7	07/QĐ-HĐQT	30/6/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
8	08/QĐ-HĐQT	11/7/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc phê duyệt mức lương đóng Bảo hiểm xã hội của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
9	09/QĐ-HĐQT	22/9/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc thành lập Tổ kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.
10	10/QĐ-HĐQT	22/9/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
11	11/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
12	12/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
13	13/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030.
14	14/QĐ-HĐQT	17/10/2025	Chủ tịch HĐQT	Về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030.

2.3. Công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Luôn tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị luôn quan tâm sâu sát đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra các chỉ đạo kịp thời hỗ trợ Ban điều hành trong các mặt công tác.

Các thành viên HĐQT với nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông của Công ty, có những đóng góp tích cực trong điều hành. Quan tâm chỉ đạo sâu sát kịp thời các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bám sát tình hình thực tế, vận dụng điều kiện cơ sở vật chất hiện có sử dụng tối đa nguồn lực, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, đầu tư hiệu quả phục vụ cấp nước an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đồng thời mang lại hiệu quả kinh doanh. Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý.

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tạo việc làm, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác tài chính đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát quản lý tốt chi phí, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định về công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Nhằm kiện toàn đội ngũ Ban Tổng Giám đốc của Công ty; đảm bảo có nhân sự kế thừa trong thời gian tới; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành phải sâu sát, kịp thời và thường xuyên. Căn cứ Công văn số 1311/UBND-NC ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Cà Mau, Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 30/01/2026 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt nhân sự quy hoạch chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu nhiệm kỳ 2025-2030 và 2030-2035, Hội đồng quản trị đã ra quyết định bổ nhiệm Ông Dương Văn Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, nhiệm kỳ 2025-2030 (*Quyết định số 06/QĐ-CTY ngày 05/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu*).

2.4. Công tác quản lý điều hành của Tổng Giám đốc

Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định, các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đề ra.

Bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy những thuận lợi, khắc phục hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành, đề ra các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế thực hiện hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Định kỳ hàng tháng, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình

hình tài chính của Công ty để chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo minh bạch về tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh để được thông qua và các vấn đề phát sinh theo yêu cầu trong điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty, công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

Trong điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, triển khai chỉ đạo kịp thời các chủ trương của HĐQT có hiệu quả, thông tin, báo cáo đúng chế độ quy định. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tiền lương năm sau luôn cao hơn năm trước, các chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện và nâng cao qua từng năm.

Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đạt kết quả tốt.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trình độ, am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt với nội bộ, nhất là sự đoàn kết trong lãnh đạo chủ chốt của đơn vị.

Bên cạnh đó Ban Kiểm soát cũng thực hiện đầy đủ vai trò kiểm tra tính hợp pháp, trung thực của Ban Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty. Thẩm định tính chính xác, đầy đủ các báo cáo về tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác của Công ty.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh %
	1	2	3	4	5= (4/3)
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	8.518.000	8.375.541	98.33
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Trđ	77.048,85	79.569,39	103.27
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	13.324,58	15.443,52	115.90
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	11.894,84	13.595,96	114.30
5	Thu nhập BQ NLĐ	Trđ	14,66	15,37	105
6	Nộp ngân sách	Trđ	1.429,74	1.847,56	129.22
7	LNST chia cổ tức	Trđ	7.036,34	7.259,72	103

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh %
8	Tỷ suất cổ tức/vốn cp	%	6,3	6,5	103
9	Vốn điều lệ	Trđ	111.688,00	111.688,00	100

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều cơ bản thực hiện đạt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng vượt kế hoạch, nhất là lợi nhuận trước thuế đạt 15.443,52 triệu đồng, vượt 15,9 % so với kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế đạt 13.595,96 triệu đồng, vượt 14,3 % so với kế hoạch năm.

2. Trả cổ tức

Căn cứ mức cổ tức năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông theo đúng quy định.

3. Đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm qua, Công ty đã tập trung triển khai nhiều hạng mục đầu tư, mục tiêu mở rộng phát triển, cải tạo, nâng cấp mạng lưới nhằm đảm bảo cung cấp nước an toàn, ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản lượng, giảm tỷ lệ thất thoát nước,... Các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đúng tiến độ, phục vụ kịp thời cho nhu cầu của khách hàng và phát huy được hiệu quả đầu tư, cụ thể:

- Cải tạo tuyến ống gang D200 đường Nguyễn Tất Thành thay thế bằng ống HDPE D200 với chiều dài 250m;
- Lắp đặt mới tuyến ống cấp nước tại 03 đường nội ô;
- Cải tạo tuyến ống gang đường Hòa Bình đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Lê Duẩn;

Các hạng mục đầu tư mở rộng mạng lưới nêu trên góp phần nâng tổng chiều dài đường ống cấp nước Công ty quản lý và sử dụng là 411 km cung cấp cho 34.350 khách hàng.

4. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm 2025 luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

5. Công bố thông tin

Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định việc công bố thông tin của Công ty đầy đủ kịp thời theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý, điều hành của Công ty đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin các doanh nghiệp nhà nước của Bộ Tài chính.

6. Thuận lợi, khó khăn

Mặc dù trong năm 2025 tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn do giảm lượng khách hàng di chuyển nơi làm việc khác theo sắp xếp lại địa giới hành chính, đồng thời các chi phí sản xuất chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành đều tăng cao, nhưng nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của HĐQT, sự nỗ lực của Ban điều hành; Lãnh đạo các phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty và sự đóng góp tích cực của tập thể Người lao động đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch của ĐHCĐ năm 2025 đề ra.

Các hoạt động sản xuất của Công ty ổn định, hiệu quả, chất lượng nước sau kiểm định đạt Quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực nước trên toàn mạng được duy trì, cung cấp liên tục 24/24 giờ, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng, nhưng tỷ lệ thất thoát nước hơn 10% chưa đạt theo mong muốn đề ra.

Trong năm 2025 do ảnh hưởng của việc hợp nhất hai tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau, từ ngày 01/07/2025 trung tâm hành chính tỉnh Bạc Liêu cũ cùng số khách hàng làm việc trong các cơ quan này chuyển về Cà Mau làm việc và sinh sống, dẫn đến sản lượng nước tiêu thụ sụt giảm đáng kể, đồng thời các dịch vụ tiện ích liên quan cũng giảm theo. Vì vậy, dự báo từ năm 2026 và những năm tiếp theo rất khó để tính toán tăng trưởng nếu địa bàn cấp nước không được mở rộng để tăng thêm sản lượng nước tiêu thụ.

IV. BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2025

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các chi phí hoạt động của HĐQT thực hiện theo quy định Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, cụ thể như sau:

Dvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng
1	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT	725.511.600	120.000.000	90.688.950
2	Ban Tổng giám đốc	1.117.122.424		133.924.033
3	Ban Kiểm soát		182.400.000	22.800.000
4	Người quản lý khác (Kế toán trưởng)	489.965.976		66.962.017
	Tổng cộng	2.332.600.000	302.400.000	314.375.000

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1.1. Các chỉ tiêu về sản xuất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	So sánh KH/TH (%)
	1	2	3	4	5=4/3
1	Nước khai thác	m ³	9.498.672	8.880.000	93,49
2	Nước tiêu thụ	m ³	8.375.541	7.831.000	93,50
3	Tổng số khách hàng sử dụng nước	KH	34.448	35.448	
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,82	<10	

1.2. Chỉ tiêu về tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025			Kế hoạch 2026	So sánh KH/TH (%)
			Thực hiện 2025	Thu nhập bất thường	TH 2025 (trừ thu nhập bất thường)		
	1	2	3	4	5= (3-4)	6	7= (6/5)
1	Tổng doanh thu	Trđ	79.569	1.625	77.944	73.702	94,55
2	Tổng chi phí	Trđ	64.126	63	64.063	59.800	93,35
3	LN trước thuế	Trđ	15.443	1.562	13.881	13.902	100,15
4	LN sau thuế	Trđ	13.596	1.250	12.346	12.366	100,16
5	Nộp ngân sách	Trđ	1.847	312	1.535	1.536	100,08
6	Vốn điều lệ	Trđ	111.688			111.688	100

Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 giảm so với năm 2025: sản lượng nước tiêu thụ giảm 6,5%, doanh thu (trừ nhu nhập bất thường) giảm 5,45%, lợi nhuận kế hoạch không tăng là từ các lý do khách quan như sau:

- Ảnh hưởng việc di dời trung tâm hành chính tỉnh Bạc Liêu cũ từ ngày 01/07/2025 theo chủ trương hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau, số khách hàng làm việc trong các cơ quan này chuyển về Cà Mau làm việc và sinh sống, các dịch vụ tiện ích theo đó cũng giảm và doanh thu nước uống đóng chai của Công ty cũng giảm theo;

- Giá đầu vào của nguyên vật liệu sản xuất chính tăng cao, cụ thể:

+ Giá bán điện năm 2025 (*Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công thương*) đã tăng 14,79% so với giá phê duyệt nước sạch hiện hành (*Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND tỉnh Bạc Liêu*) là 2.204 đồng/kWh/1.920 đồng/kWh;

+ Giá hóa chất Clo năm 2025 là 35.000 đồng/kg tăng so với giá đầu năm 2024 là 32.000 đồng/kg tỷ lệ tăng 9,37%;

+ Các chi phí lớn khác như: khấu hao tài sản cố định, chi phí phân bổ đồng hồ

hết niên hạn kiểm định phải thay định kỳ, ước tính chi phí kế hoạch năm 2026 tăng hơn 03 tỷ đồng chiếm 5% tổng chi phí.

+ Tiền lương và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN xu hướng luôn biến động tăng hàng năm,...

Và hiện nay Công ty đang áp dụng giá nước sạch sinh hoạt theo Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu lộ trình 2023 – 2027, theo đó, giá bán bình quân tăng khoảng 3% hàng năm, với mức tăng này không đủ bù đắp chi phí sản xuất tăng cao nêu trên.

2. Mục tiêu nhiệm vụ

- Đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đặt ra, trong đó, đảm bảo duy trì việc làm, thu nhập và các phúc lợi cao nhất cho người lao động;

- Đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, trong đó chú trọng cung cấp nước ổn định liên tục 24/24, áp lực cuối nguồn đạt $1,5\text{kg}/\text{cm}^2$, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế và phần đầu tỷ lệ thất thoát nước còn 9%;

- Thực hiện tốt hơn nữa Văn hóa doanh nghiệp Công ty, trong đó tập trung xây dựng nét đặc trưng về sản phẩm, con người Công ty, xây dựng môi trường làm việc đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa vào quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty;

- Tập trung phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường nước uống đóng chai đảm bảo hiệu quả, tự chủ bằng các cơ chế phù hợp.

3. Giải pháp thực hiện

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo định hướng các mục tiêu kế hoạch đề ra duy trì ổn định và phát triển bền vững theo các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn;

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng;

- Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý điều hành thông qua việc điều khiển từ xa các giếng bơm nước thô, áp dụng những công nghệ mới trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước, chống thất thoát...;

- Phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, cống hiến của người lao động trong việc thực hiện chi tiết nhiệm vụ được giao của từng bộ phận, từng cá nhân góp phần thành công chung của tập thể Công ty;

- Trên cơ sở kết quả đánh giá thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;

- Tăng cường công tác tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, kỹ năng giao tiếp của tất cả cán bộ nhân viên trong công ty nhất là đối với đội ngũ nhân viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng;

- Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi;

- Triển khai quán triệt đến tất cả lãnh đạo, người lao động trong Công ty nắm rõ, cùng nhau xây dựng kế hoạch và thống nhất thực hiện các biện pháp quản lý, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước, tăng doanh thu – lợi nhuận; đồng thời tiết kiệm chi phí; cũng chính là gia tăng sự thụ hưởng cho chính người lao động của Công ty;

- Tối đa hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các dự án đã đầu tư, đẩy mạnh các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào khai thác;

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính;

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động công bố thông tin của đơn vị nhằm công khai minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị của công ty đến tất cả các cổ đông để cùng kiểm tra, giám sát;

- Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.



Võ Minh Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BẠC LIÊU
BAN KIỂM SOÁT

Số: 06 /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 06 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 03 ngày 28/7/2022;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/5/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

1. Nhân sự Ban kiểm soát:

Trong năm 2025 Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2025), gồm có 03 thành viên làm việc theo hình thức kiêm nhiệm, cụ thể:

- | | |
|---------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ | - Trưởng Ban; |
| - Ông Nguyễn Văn Phúc | - Thành viên; |
| - Bà Liên Ngọc Trân | - Thành viên. |

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm của Công ty.

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở các nội dung cuộc họp, Ban kiểm soát cũng đã đóng góp ý kiến thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát sát với tình hình hoạt động của Công ty.

- Định kỳ, Ban kiểm soát xây dựng chương trình và kế hoạch giám sát cụ thể của từng quý. Các thành viên Ban kiểm soát nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được phân công theo quy chế đã được ban hành, thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định, các thành viên dự họp đầy đủ và cùng nhau phân tích tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, tình hình hoạt động của Công ty trong năm để có ý kiến tham gia kịp thời với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

- Ban kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Do đó, ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, để đạt được hiệu quả, chất lượng và hoàn thành nhiệm vụ, Ban kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và công việc qua các phương tiện khác như: mail, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời về thời gian theo yêu cầu của Công ty.

3. Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2025 được hưởng đúng theo Công văn số 2574/UBND-TH ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc cho ý kiến về Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025:

Qua nghiên cứu Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC và xem xét các hồ sơ có liên quan, Ban kiểm soát thống nhất và có một số nhận xét như sau:

- Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Các số liệu báo cáo tài chính năm 2025 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025.
- Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả

hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Về tình hình quản lý tài chính:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	
			2024	2025
1	Tổng tài sản, trong đó:	Triệu đồng	134.377,18	145.763,97
	- Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	37.915,81	49.629,54
	- Tài sản dài hạn	Triệu đồng	96.461,37	96.134,43
2	Nguồn vốn	Triệu đồng	134.377,18	145.763,97
	- Nợ phải trả	Triệu đồng	11.934,85	18.048,13
	- Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	122.442,33	127.715,84
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	111.688,00	111.688,00
4	Các chỉ tiêu tài chính:			
	- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	8,88	12,38
	- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	%	9,75	14,13
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,36	2,86
	- Tỷ suất sinh lời của Doanh thu thuần	%	15,19	17,49
	- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	8,66	9,33
	- Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,50	10,65
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18,74	19,67

2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Theo đó, qua đối chiếu số liệu thực tế với các chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cho thấy:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tại Đại hội	Kết quả thực hiện năm 2025	So sánh (%)
I. Chỉ tiêu sản xuất				
1. Sản lượng nước khai thác	m ³	9.458.000	9.498.672	100,43
2. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	8.518.000	8.375.541	98,33
3. Tỷ lệ thất thoát	%	< 10	11,82	
II. Chỉ tiêu kinh doanh				
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	77.048,85	79.569,39	103,27
2. Tổng chi phí	Tr. đồng	63.724,27	64.125,87	100,63
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	13.324,58	15.443,52	115,90
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	11.894,84	13.595,96	114,30
5. Cổ tức	Tr. đồng	7.036,00	7.259,72	103,18

Từ các số liệu nêu trên, Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Công tác quản lý tài chính đã được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành và Quy chế tài chính của Công ty; việc quản lý tài sản, tiền vốn; thu chi được thực hiện phù hợp theo thực tế phát sinh tại Công ty. Các chỉ tiêu tài chính trong năm qua thể hiện được tính hiệu quả, lành mạnh trong hoạt động doanh nghiệp, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

Với kết quả nêu trên, cho thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, qua quá trình thực hiện giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

1. Đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt, tuân thủ đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty; tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Trong các kỳ họp Hội đồng quản trị, các thành viên tham dự đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định kịp thời nhằm định hướng, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty, chủ động ứng phó với những thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành kịp thời, đảm bảo lợi ích Công ty và các cổ đông.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành và thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của Nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện rõ tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao trong công việc, không ngừng tìm tòi, áp dụng những giải pháp mới, linh hoạt trong công tác điều hành đơn vị như: ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, nỗ lực đột phá trong điều hành kinh doanh, tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát các khoản chi phí, quản lý công nợ phải thu, phải trả, quản lý hàng tồn kho. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động. Nhờ đó, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển tốt, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra nhất là về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty khá chặt chẽ, đáp ứng, cung cấp kịp thời các số liệu, hồ sơ chứng từ có liên quan phục vụ nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thông qua đó, Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, với tư cách là giám sát viên và đại diện cổ đông.

Sự phối hợp này, được thực hiện phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông, trong năm 2025, Ban kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2026:

Trong năm 2026, Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các công việc như sau:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và pháp luật Nhà nước;

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ đối với việc chỉ đạo của Hội đồng quản trị, việc triển khai kế hoạch kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đối với Ban Tổng Giám đốc;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có kế hoạch giám sát hiệu quả hơn;

- Thực hiện các công tác khác của Ban kiểm soát được quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Trên đây là những nội dung báo cáo về tình hình hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu VT; BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoàng Anh Vũ

Số: 01 /TTr - HĐQT

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 28/07/2022.

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2025. Theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu có Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 30/6/2025 chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TpHCM (nay đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải tại website của Công ty (<http://capnuocbaclieu.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31/12/2025;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính 2025
1.	Tổng tài sản	Đồng	145.763.969.572
-	Tài sản ngắn hạn	Đồng	49.629.537.713
-	Tài sản dài hạn	Đồng	96.134.431.859
2.	Tổng nguồn vốn	Đồng	145.763.969.572
-	Nợ phải trả	Đồng	18.048.134.431
-	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	127.715.835.141
3.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	111.688.000.000
4.	Tổng doanh thu	Đồng	79.569.386.563
5.	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.443.515.845

6.	Thuế TNDN	Đồng	1.847.555.819
7.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	13.595.960.026

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Võ Minh Trang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01 tháng 06 năm 2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.

Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:

- Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành xây dựng.

Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá tinh khiết.

Bán buôn và bán lẻ nước đóng chai.

Cho thuê xe có động cơ.

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và kho bãi.

Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.

Tên tiếng anh: BACLIEU WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BAWACO

Trụ sở chính: Số 92, đường Lê Duẩn, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Võ Minh Trang	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Ông	Lê Thanh Bảo	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Văn Út	Trưởng ban kiểm soát - miễn nhiệm ngày 16/10/2025
Ông	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	Trưởng ban kiểm soát - bổ nhiệm ngày 16/10/2025
Bà	Dương Thị Mỹ Hoa	Thành viên - miễn nhiệm ngày 16/10/2025
Bà	Lý Hồng Yến	Thành viên - miễn nhiệm ngày 16/10/2025
Bà	Liên Ngọc Trân	Thành viên - bổ nhiệm ngày 16/10/2025
Ông	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên - bổ nhiệm ngày 16/10/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám Đốc
Ông	Lê Thanh Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Phước An	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Võ Minh Trang	Chủ tịch
-----	---------------	----------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc (MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Xác nhận

Theo ý kiến của chúng tôi, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Võ Minh Trang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: C0725277-R/MOORE AISC-DN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 01 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Phạm Văn Vinh

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0112-2023-005-1

Lê Thị Thanh Tâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 3199-2025-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.629.537.713	37.915.804.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.749.701.137	11.497.374.032
1. Tiền	111	V.1	2.749.701.137	1.497.374.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	20.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.998.533.872	1.338.416.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.409.270.715	1.244.908.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	2.833.875.018	80.250.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	748.338.180	779.865.202
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(992.950.041)	(766.608.011)
IV. Hàng tồn kho	140		5.995.182.666	7.715.168.998
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.995.182.666	8.528.449.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(813.280.670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		886.120.038	1.364.845.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	260.110.924	491.745.275
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	75.348.517
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	626.009.114	797.752.032
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.134.431.859	96.461.371.858
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	361.490.656	361.490.656
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	549.348.458	549.348.458
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.4b,5b	(910.839.114)	(910.839.114)
II. Tài sản cố định	220		79.569.527.396	84.415.759.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	79.112.662.172	83.820.089.616
- Nguyên giá	222		240.660.906.209	234.333.518.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.548.244.037)	(150.513.429.040)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	456.865.224	595.669.968
- Nguyên giá	228		1.420.962.714	1.420.962.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(964.097.490)	(825.292.746)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.441.570.562	199.987.397
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.441.570.562	199.987.397
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12.123.333.901	11.845.624.877
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.123.333.901	11.845.624.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.763.969.572	134.377.176.751

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

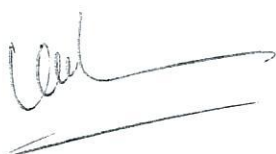
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.749.781.691	76.599.068.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.073.579	9.261.430
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	77.737.708.112	76.589.806.570
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	41.304.147.686	40.806.542.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		36.433.560.426	35.783.264.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.269.115.219	838.220.254
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.676.569.396	8.229.063.289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.736.778.659	14.035.685.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		15.289.327.590	14.356.735.451
11. Thu nhập khác	31	VI.8	562.563.232	511.070
12. Chi phí khác	32	VI.9	408.374.977	1.130.400.856
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		154.188.255	(1.129.889.786)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.443.515.845	13.226.845.665
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.847.555.819	1.593.714.408
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.595.960.026	11.633.131.257
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.128	675

Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2026

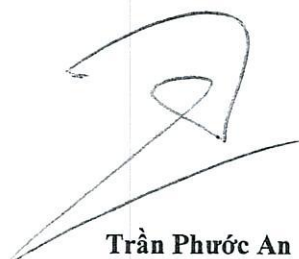
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Võ Ái Hương



Trần Phước An



Võ Minh Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

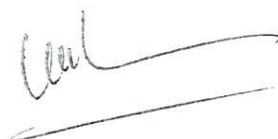
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		90.960.526.393	87.014.391.108
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.731.741.868)	(37.188.934.239)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.656.344.805)	(16.423.665.955)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(1.571.574.399)	(1.608.094.136)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.997.226.506	2.735.918.846
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(18.060.345.791)	(21.123.729.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.937.746.036	13.405.886.492
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.026.643.832)	(6.739.465.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		500.000	1.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.824.180.385)	(31.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.824.180.385	30.000.000.000
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.269.115.219	838.220.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.757.028.613)	(6.899.744.908)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.928.390.318)	(6.676.257.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.928.390.318)	(6.676.257.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		7.252.327.105	(170.115.416)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.497.374.032	11.667.489.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	18.749.701.137	11.497.374.032

Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Võ Ái Hương



Trần Phước An



Võ Minh Trang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01 tháng 06 năm 2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: BACLIEU WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BAWACO

Trụ sở chính: Số 92, đường Lê Duẩn, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh nước, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.

Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:

- Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành xây dựng.

Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá tinh khiết.

Bán buôn và bán lẻ nước đóng chai.

Cho thuê xe có động cơ.

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và kho bãi.

Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tổng số người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 89 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 89 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán;
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình tăng từ các nguồn khác

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được giao được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Công ty ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 17 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 27 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
Phần mềm máy tính	08 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và chưa được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, lắp đặt đường ống, máy bơm: đã sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ/TTg ngày 06 tháng 05 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2022, Công ty áp dụng nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô và tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

- (i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- (ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- (iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	2.749.701.137	1.497.374.032
Tiền mặt	274.513.703	256.841.681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.475.187.434	1.240.532.351
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bạc Liêu	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bạc Liêu	11.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bạc Liêu	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bạc Liêu	1.000.000.000	
Cộng	18.749.701.137	11.497.374.032

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bạc Liêu	11.000.000.000	11.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bạc Liêu	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bạc Liêu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bạc Liêu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.409.270.715	(992.950.041)	1.244.908.848	(766.608.011)
Phải thu tiền nước khách hàng	1.406.654.187	(992.950.041)	1.240.050.846	(766.608.011)
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.616.528	-	4.858.002	-
Cộng	1.409.270.715	(992.950.041)	1.244.908.848	(766.608.011)
4. Trả trước cho người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.833.875.018	-	80.250.000	-
Công ty TNHH MTV Phúc An Bạc Liêu	-	-	57.750.000	-
Công ty TNHH TM - DV - KT Đức Hùng	2.408.057.228	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam - Trung tâm Tài nguyên Nước và Môi trường	132.900.000	-	-	-
Các khách hàng khác	292.917.790	-	22.500.000	-
b. Dài hạn	361.490.656	(361.490.656)	361.490.656	(361.490.656)
Nguyễn Hữu Thắng	222.820.798	(222.820.798)	222.820.798	(222.820.798)
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	(135.169.858)	135.169.858	(135.169.858)
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM	3.500.000	(3.500.000)	3.500.000	(3.500.000)
Cộng	3.195.365.674	(361.490.656)	441.740.656	(361.490.656)

5. Phải thu khác

	31/12/2025	01/01/2025
Gia trị	Dự phòng	Gia trị
Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng
748.338.180	-	779.865.202
Tạm ứng	-	114.952.500
Các khoản kỳ quỹ, kỳ	-	587.789.369
Cược	-	77.123.333
Các khoản phải thu khác	-	-
b. Đại hạn	(549.348.458)	549.348.458
Công ty TNHH DV TM	(473.077.000)	473.077.000
XD VT Vinh phát	(10.000.000)	10.000.000
Các khoản kỳ quỹ, kỳ	(10.000.000)	(10.000.000)
Cược	66.271.458	66.271.458
Các khoản phải thu khác	(66.271.458)	(66.271.458)
Cộng	1.297.686.638	1.329.213.660
	(549.348.458)	(549.348.458)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu - Dự phòng phải thu khó đòi	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	992.950.041	-	-	766.608.011	-	-
+ Phải thu tiền nước khách hàng	992.950.041	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	766.608.011	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
Trả trước cho người bán dài hạn	361.490.656	-	-	361.490.656	-	-
+ Nguyễn Hữu Thắng	222.820.798	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	222.820.798	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
+ Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	135.169.858	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
+ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM	3.500.000	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	3.500.000	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
Phải thu dài hạn khác	549.348.458	-	-	549.348.458	-	-
+ Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh phát	473.077.000	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	473.077.000	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
+ Các đối tượng khác	76.271.458	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm	76.271.458	-	Thời hạn quá hạn hơn 3 năm
Cộng	1.903.789.155	-	-	1.677.447.125	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	766.608.011	910.839.114	1.677.447.125
Trích lập dự phòng bổ sung	226.342.030	-	226.342.030
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	992.950.041	910.839.114	1.903.789.155

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.957.343.678	-	8.471.695.801	(806.603.170)
Công cụ, dụng cụ	6.465.555	-	43.814.655	(6.677.500)
Thành phẩm	31.373.433	-	12.939.212	-
Cộng	5.995.182.666	-	8.528.449.668	(813.280.670)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất là do công ty đã thanh lý trong năm.

8. Chi phí trả trước	31/12/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	260.110.924	491.745.275
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.171.665	79.155.776
Chi phí sửa chữa, lắp đặt đường ống, máy bơm, thay thế đồng hồ	100.733.401	279.816.925
Các khoản khác	158.205.858	132.772.574
b. Chi phí trả trước dài hạn	12.123.333.901	11.845.624.877
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.890.154	111.331.522
Chi phí sửa chữa, lắp đặt đường ống, máy bơm, thay thế đồng hồ	12.040.856.047	11.332.222.018
Chi phí khai thác nước	-	183.511.198
Các khoản khác	70.587.700	218.560.139
Cộng	12.383.444.825	12.337.370.152

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	77.540.130.573	48.282.611.301	106.761.648.583	1.749.128.199	234.333.518.656
<i>Mua trong năm</i>	-	65.500.000	-	-	65.500.000
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	667.769.858	-	2.779.259.933	-	3.447.029.791
<i>Tặng khác</i>	30.479.100	3.268.715.850	-	-	3.299.194.950
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(138.289.100)	-	(171.589.960)	(309.879.060)
<i>Giảm khác</i>	(23.589.555)	(3.221.940)	(147.646.633)	-	(174.458.128)
Số dư cuối năm	78.214.789.976	51.475.316.111	109.393.261.883	1.577.538.239	240.660.906.209
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.600.586.187	37.620.166.650	73.205.570.084	1.087.106.119	150.513.429.040
<i>Khấu hao trong năm</i>	4.000.641.097	1.962.672.047	5.143.862.138	179.046.048	11.286.221.330
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(77.414.213)	-	(171.589.960)	(249.004.173)
<i>Giảm khác</i>	(2.402.160)	-	-	-	(2.402.160)
Số dư cuối năm	42.598.825.124	39.505.424.484	78.349.432.222	1.094.562.207	161.548.244.037
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	38.939.544.386	10.662.444.651	33.556.078.499	662.022.080	83.820.089.616
Số dư cuối năm	35.615.964.852	11.969.891.627	31.043.829.661	482.976.032	79.112.662.172

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 104.126.093.921 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.420.962.714	1.420.962.714
Số dư cuối năm	1.420.962.714	1.420.962.714
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	825.292.746	825.292.746
<i>Khấu hao trong năm</i>	138.804.744	138.804.744
Số dư cuối năm	964.097.490	964.097.490
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	595.669.968	595.669.968
Số dư cuối năm	456.865.224	456.865.224

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 125.000.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2025
	01/01/2025	trong năm		
Xây dựng Đường Hàm Nghi nối dài (Từ Đường Nguyễn Viết Xuân-CV.Lâu), Phường 5, Tp.Bạc Liêu. Hạng mục: gia cố ô gang 500 mm)	189.834.003	(189.834.003)	-	-
Lắp đặt tuyến ống nước từ đường Võ Thị Sáu đến đường Lê Duẩn	-	3.661.426.804	-	3.661.426.804
Lắp đặt tuyến ống cấp nước tại 3 đường nội ô thành phố Bạc Liêu	-	904.096.075	(904.096.075)	-
Công trình khác	10.153.394	3.312.924.080	(2.542.933.716)	780.143.758
Cộng	199.987.397	7.688.612.956	(3.447.029.791)	4.441.570.562

12. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	14.040.000	14.040.000	199.033.200	199.033.200
Các nhà cung cấp khác	14.040.000	14.040.000	199.033.200	199.033.200
Cộng	14.040.000	14.040.000	199.033.200	199.033.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2025	01/01/2025
13. Người mua trả tiền trước		
a. Ngắn hạn	-	66.074.977
Công Ty TNHH TVXD và DVTM Lê Giang	-	66.074.977
b. Dài hạn	50.000.000	50.000.000
Khách hàng khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	116.074.977

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán phải nộp	-	1.435.996.966	1.256.351.178	179.645.788
Thuế GTGT hàng bán phải nộp không khấu trừ	-	551.788.048	487.179.712	64.608.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp	409.435.187	1.847.555.819	1.571.574.399	685.416.607
Thuế tài nguyên	152.883.400	2.631.826.500	2.543.974.600	240.735.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		88.333.847	88.333.847	-
Các loại thuế khác	505.613.143	2.485.281.809	2.990.894.952	-
Cộng	1.067.931.730	9.040.782.989	8.938.308.688	1.170.406.031
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	797.752.032	383.449.280	211.706.362	626.009.114
Cộng	797.752.032	383.449.280	211.706.362	626.009.114

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho lĩnh vực kinh doanh cung cấp nước là 5%, lắp đặt đường ống và nước đóng chai là 8%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động cung cấp nước là 10% và hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

	31/12/2025	01/01/2025
15. Phải trả người lao động		
Tiền lương phải trả	4.380.103.584	3.443.320.817
Cộng	4.380.103.584	3.443.320.817

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn		
Thuế thu nhập cá nhân	648.942.995	460.961.307
Bồi thường, hỗ trợ kinh phí di dời	-	509.416.280
Cổ tức còn phải trả cổ đông	107.765.672	111.499.990
Công ty TNHH Kỹ thuật P và P	121.610.150	205.599.298
Công ty TNHH MTV Xây lắp nước 94	56.989.258	93.867.632
Tiền dịch vụ thoát nước thu hộ	6.897.350.600	-
Tiền dịch vụ môi trường rừng	946.177.336	510.922.204
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.329.919.583	526.942.643
Cộng	10.108.755.594	2.419.209.354
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	643.341.133	590.239.369
Cộng	643.341.133	590.239.369

17. Vốn chủ sở hữu**1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	111.688.000.000	2.320.265.803	9.132.214.055	123.140.479.858
Lợi nhuận	-	-	11.633.131.257	11.633.131.257
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	500.934.055	(500.934.055)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(5.630.000.000)	(5.630.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(6.701.280.000)	(6.701.280.000)
Số dư cuối năm trước	111.688.000.000	2.821.199.858	7.933.131.257	122.442.331.115
Số dư đầu năm nay	111.688.000.000	2.821.199.858	7.933.131.257	122.442.331.115
Lợi nhuận	-	-	13.595.960.026	13.595.960.026
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	610.675.257	(610.675.257)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	-	(1.397.800.000)	(1.397.800.000)
Chia cổ tức trong năm (**)	-	-	(6.924.656.000)	(6.924.656.000)
Số dư cuối năm nay	111.688.000.000	3.431.875.115	12.595.960.026	127.715.835.141

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với giá trị 4.097.800.000 VND (tạm trích trong năm 2024 là 3.700.000.000 VND, trích thêm trong năm 2025 là 397.800.000 VND).

Tạm trích năm 2025 là 1.000.000.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty thực hiện chia cổ tức và các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024.

2. Chi tiết vốn góp của

chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2025
UBND tỉnh Cà Mau	98,65%	110.176.000.000	98,65%	110.176.000.000
Các cổ đông khác	1,35%	1.512.000.000	1,35%	1.512.000.000
Cộng	100,00%	111.688.000.000	100,00%	111.688.000.000

Theo Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2025 chuyển nguyên trạng các doanh nghiệp nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (mới). Do đó, chủ sở hữu là UBND tỉnh Bạc Liêu chuyển thành UBND tỉnh Cà Mau.

3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	111.688.000.000	111.688.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	111.688.000.000	111.688.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.924.656.000	6.701.280.000

4. Cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	6,2%	6%

5. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.800	11.168.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.800	11.168.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.168.800	11.168.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	3.431.875.115	2.821.199.858
Cộng	3.431.875.115	2.821.199.858

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp nước	71.580.752.649	70.247.584.624
Doanh thu lắp đặt đường ống	2.256.880.361	2.723.500.964
Doanh thu nước đóng chai	1.982.840.695	2.333.235.019
Doanh thu khác	1.929.307.986	1.294.747.393
Cộng	77.749.781.691	76.599.068.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	12.073.579	9.261.430
Cộng	12.073.579	9.261.430
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp nước	71.580.752.649	70.247.584.624
Doanh thu thuần lắp đặt đường ống	2.244.806.782	2.714.239.534
Doanh thu thuần nước đóng chai	1.982.840.695	2.333.235.019
Doanh thu thuần khác	1.929.307.986	1.294.747.393
Cộng	77.737.708.112	76.589.806.570
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp nước	37.008.781.035	36.808.454.840
Giá vốn lắp đặt đường ống	2.211.289.644	1.849.910.937
Giá vốn nước đóng chai	2.033.237.046	1.693.781.341
Giá vốn khác	864.120.631	454.395.191
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(813.280.670)	-
Cộng	41.304.147.686	40.806.542.309
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.269.115.219	838.220.254
Cộng	1.269.115.219	838.220.254
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	3.345.995.193	4.059.658.690
Chi phí vật liệu, bao bì	113.251.282	125.608.184
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.246.083	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	479.133.981	490.071.046
Các chi phí khác	5.698.942.857	3.553.725.369
Cộng	9.676.569.396	8.229.063.289

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cộng	
Chi phí cho nhân viên	
Chi phí vật liệu quản lý	
Chi phí đồ dùng văn phòng	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	
Thuế, phí và lệ phí	
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Các chi phí khác	

8. Thu nhập khác

Cộng	
Tiền bồi thường chi phí di dời hệ thống cấp nước	
Thu nhập khác	

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Cộng	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
Chi phí nhân công	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	
Chi phí khác bằng tiền	

Năm 2025		Năm 2024	
12.736.778.659	14.035.685.775	11.796.257.919	19.740.810.205
4.153.456.308	6.194.272.556	11.083.526.872	22.618.305.640
180.938.659	171.028.018	11.425.026.074	12.598.998.631
226.342.030	-	1.237.055.927	820.346.270
348.229.701	334.615.297	17.132.523.235	16.218.580.916
451.037.353	235.011.533	11.796.257.919	19.740.810.205
190.197.372	-	11.083.526.872	11.796.257.919
3.100.000	4.850.000	22.618.305.640	19.740.810.205
7.183.477.236	7.095.908.371	11.083.526.872	11.796.257.919
12.736.778.659	14.035.685.775	63.496.437.748	61.174.993.941

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.443.515.845	13.226.845.665
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	13.665.386	279.880.580
3. Thu nhập chịu thuế	15.457.181.231	13.506.726.245
Thu nhập chịu thuế suất 10%	12.438.804.276	12.322.107.304
Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.018.376.955	1.184.618.941
4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.847.555.819	1.469.134.518
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	124.579.890
6. Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.847.555.819	1.593.714.408

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.595.960.026	11.633.131.257
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(1.000.000.000)	(4.097.800.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.000.000.000)	(4.097.800.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	<i>(4.097.800.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.595.960.026	7.535.331.257
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.128	675

(*) Theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025 trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2024 là 4.097.800.000 đồng làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước từ 710 đồng giảm còn 675 đồng.

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm**2025**

Phải trả người bán

Dưới 1 năm
14.040.000Từ 1-5 năm
-Trên 5 năm
-Tổng cộng
14.040.000Các khoản phải trả, phải
nộp khác

1.508.518.991

643.341.133

-

2.151.860.124**Cộng****1.522.558.991****643.341.133**

-

2.165.900.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	199.033.200	-	-	199.033.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	826.409.573	590.239.369	-	1.416.648.942
Cộng	1.025.442.773	590.239.369	-	1.615.682.142

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		01/01/2025		31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	16.000.000.000	-	20.000.000.000	16.000.000.000
- Phải thu khách hàng	1.409.270.715	(992.950.041)	1.244.908.848	(766.608.011)	416.320.674	478.300.837
- Phải thu khác	1.246.386.638	(549.348.458)	1.214.261.160	(549.348.458)	697.038.180	664.912.702
- Tiền và các khoản tương đương tiền	18.749.701.137	-	11.497.374.032	-	18.749.701.137	11.497.374.032
TỔNG CỘNG	41.405.358.490	(1.542.298.499)	29.956.544.040	(1.315.956.469)	39.863.059.991	28.640.587.571
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	14.040.000	-	199.033.200	-	14.040.000	199.033.200
- Phải trả khác	2.151.860.124	-	1.416.648.942	-	2.151.860.124	1.416.648.942
TỔNG CỘNG	2.165.900.124	-	1.615.682.142	-	2.165.900.124	1.615.682.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Thông tin khác

Ngày 16 tháng 06 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 1655/NQ-UBTVQH15 năm 2025 sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau (bao gồm tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu sau sáp nhập). Do đó, Công ty sau sáp nhập thuộc tỉnh Cà Mau.

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**4a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

4a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

4a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tính chất thu nhập	Năm 2025	Năm 2024
+ Hội đồng Quản trị	Tiền lương	725.511.600	578.132.122
	Thưởng	47.376.000	60.869.565
	Thù lao	120.000.000	144.000.000
+ Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương	1.117.122.424	980.512.070
	Thưởng	94.752.000	113.043.478
+ Ban kiểm soát	Thưởng	64.296.000	73.913.044
	Thù lao	182.400.000	216.000.000
+ Kế toán trưởng	Tiền lương	489.965.976	471.755.808
	Thưởng	47.376.000	52.173.913
Cộng		2.888.800.000	2.690.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4b. Giao dịch, nghiệp vụ trọng yếu và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau mới	Cổ đông lớn

4b.1. Giao dịch, nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (hiện nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau mới)	Chia cổ tức	6.830.912.000	6.610.560.000

5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chủ yếu là kinh doanh cung cấp nước sạch và thi công đường ống nước đều tập trung trên địa bàn phường Bạc Liêu. Do vậy, báo cáo của Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán ngày 01 tháng 01 năm 2025 và Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.

7. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

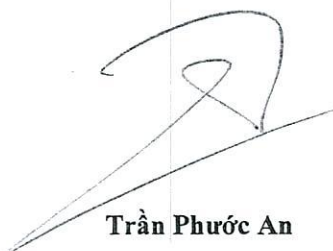
Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

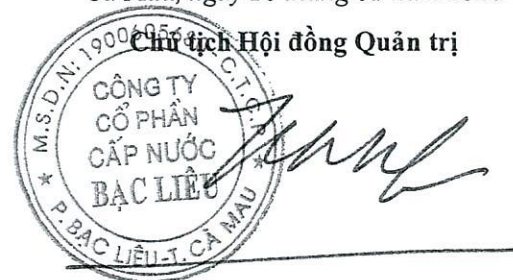


Võ Ái Hương

Kế toán trưởng



Trần Phước An



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Võ Minh Trang

Số: 02/TTTr - HĐQT

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung ngày lần 3 ngày 28/07/2022;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 13.595.960.026 đồng.
- Lợi nhuận được phân phối: 13.595.960.026 đồng.

2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:

2.1. Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2025: 1.804.615.026 đồng, tỷ lệ trích 13,27 %/lợi nhuận sau thuế.

2.2. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý năm 2025: 4.531.625.000 đồng, tỷ lệ trích 33,33 %/lợi nhuận sau thuế.

Căn cứ điểm e Khoản 2 Điều 27 và điểm b Khoản 2 Điều 25 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2025 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025
1	Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động	đồng	17.098.588.400
2	Quỹ tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị	đồng	725.511.600

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025
3	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	đồng	302.400.000
4	Tiền lương bình quân 01 tháng $((1+2+3)/12 \text{ tháng})$	đồng	1.510.541.667
5	Số tháng lương trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	tháng	03
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4 x 5), trong đó:	đồng	4.531.625.000
-	Quỹ phúc lợi (50%)	đồng	2.265.812.500
-	Quỹ khen thưởng (50%)	đồng	2.265.812.500

2.3. Chia cổ tức năm 2025: 7.259.720.000 đồng, tỷ lệ trích 53,40 %/lợi nhuận sau thuế (6,5%/vốn điều lệ).

Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	Trích theo đề xuất Công ty
- Tỷ lệ trả cổ tức	%	6,3% VDL	6,5% VDL
- Số tiền chi trả cổ tức	Đồng	7.036.344.000	7.259.720.000

- Chi trả cổ tức năm 2025 thực hiện qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản tổ chức và cá nhân của từng cổ đông. Chi chi trả tiền mặt trực tiếp tại Công ty khi cổ đông chưa có tài khoản tại ngân hàng.

- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến vào tháng 8 năm 2026, sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Võ Minh Trang

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 28/07/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (%)	Kế hoạch năm 2026
I	Chỉ tiêu sản xuất		
1	Sản lượng nước khai thác (m ³)		8.880.000
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)		7.831.000
II	Chỉ tiêu kinh doanh		
1	Tổng doanh thu		73.702.660.000
2	Tổng chi phí		59.800.100.000
3	Lợi nhuận trước thuế		13.902.560.000
4	Thuế TNDN		1.536.256.000
5	Lợi nhuận sau thuế		12.366.304.000
III	Đầu tư xây dựng cơ bản		13.317.000.000
IV	Phân phối lợi nhuận sau thuế		
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng người quản lý (2)	36,85	4.556.643.291
2	Quỹ đầu tư phát triển	6,25	773.316.709

3	Trả cổ tức tối thiểu 5% VDL	56,90	7.036.344.000
---	-----------------------------	-------	---------------

(1) **Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:** Căn cứ phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng các hạng mục công trình nâng cấp, cải tạo sửa chữa để đảm bảo cung cấp nước được an toàn, chất lượng. Tổng giá trị đầu tư 13.317 triệu đồng (đính kèm Kế hoạch XD/CB năm 2026).

(2) **Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý:**

Vận dụng điểm e Khoản 2 Điều 27 và điểm b Khoản 2 Điều 25 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025 và điểm b Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kế hoạch năm 2026 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động	đồng	17.124.973.164
2	Quỹ tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị	đồng	799.200.000
3	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	đồng	302.400.000
4	Tiền lương bình quân 01 tháng $((1+2+3)/12$ tháng)	đồng	1.518.881.097
5	Số tháng lương trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	tháng	03
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (4 x 5)	đồng	4.556.643.291

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Võ Minh Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026

(Ban hành kèm Tờ trình số: 03 /TTr-HĐQT ngày 09 tháng 3 năm 2026)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Cấp công trình	Dự án đầu tư		Ghi chú
				Quyết định	Tổng mức đầu tư dự kiến	
1	2	3	4	5	6	7
I	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước tại 09 đường, 04 hẻm tại phường Bạc Liêu và phường Vĩnh Trạch		Cấp IV		3,952	
1	Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống đường Trà Kha B	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	810	
2	Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống đường Nguyễn Chí Thanh, phía Tây, đoạn từ đường Cách Mạng đến Hoà Bình nối dài	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	66	
3	Hạng mục: Hẻm nhánh Hẻm 1 đường Hưng Hội, đoạn từ Hộ Lê Kim Thu đến cuối hẻm	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	37	
4	Hạng mục: Tuyến ống cấp nước HDPE D63mm đường Trần Bình Trọng	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	255	
5	Hạng mục: Lắp mới đường Rạch Thẳng 1, đoạn từ Cầu Rạch Thẳng tới hộ Ông Hà Ngọc Điệp	Phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	900	
6	Hạng mục: Hẻm sau tập thể Công an 19/8	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	27	
7	Hạng mục: Hẻm 1 (Hẻm Cây Điệp 1) đoạn từ đường Cách Mạng - Hoàng Diệu	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	53	
8	Hạng mục: Hẻm cấp số nhà 71 đường Trần Phú	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	14	

9	Hạng mục: Lắp mới đường Cao Triều Phát (Khu dân cư Địa Ốc)	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	66	
10	Hạng mục: Lắp mới đường Đường Trà Khứa, đoạn nối tiếp ống D110 hiện hữu	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	640	
11	Hạng mục: Lắp mới đường Tôn Đức Thắng, đoạn từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Tỉnh lộ 38.	Phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	400	
12	Hạng mục: Lắp mới đường Trà Khứa, nối tiếp ống D110 hiện hữu	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	600	
13	Hạng mục: Lắp mới tuyến ống đường số 15, khu dân cư Thiên Long (Phía Nam)	Phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	84	
II	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước tại 02 đường, tại phường Hiệp Thành		Cấp III		7,400	
1	Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống HDPE D315mm và HDPE D63mm đường Ngô Quyền, đoạn nối tiếp ống D315mm hiện hữu đến Cầu vào Vườn Chim.	Phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	3,500	
2	Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống HDPE D315mm và HDPE D63mm đường Cao Văn Lầu, đoạn nối tiếp ống D315mm hiện hữu đến Cầu vào Vườn Chim.	Phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau		Xin chủ trương	3,900	
III	Công trình: Lắp đặt 03 trạm Sensor theo dõi áp lực trên mạng lưới đường ống cấp nước	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	Cấp IV	Xin chủ trương	500	
IV	Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc, Nhà máy số 1 và 2, các Giếng nước thô và xây các hồ đo lưu lượng trên mạng lưới đường ống cấp nước	Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	Cấp IV	Xin chủ trương	945	
V	Nâng cấp Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý mạng lưới cấp nước thông minh	Phần mềm Công ty	Phần mềm	Xin chủ trương	520	
	Tổng mức đầu tư (I+II+III+IV+V):				13,317	
Bảng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm mười bảy triệu đồng						

* **Ghi chú:** Đơn giá trên là đơn giá tạm tính cho suất đầu tư để tính mức đầu tư và nhu cầu vốn trong kế hoạch năm 2026. Giá trị quyết toán công trình thực hiện theo hồ sơ thiết kế và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Số: 04/TTr-HĐQT

Cà Mau, ngày 09 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội cổ đông Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 28/07/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu kính trình Đại hội cổ đông thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện HĐQT, BKS năm 2025 và tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch HĐQT, BKS năm 2026 Công ty như sau:

I. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Tiền lương thực hiện của Hội đồng quản trị

Thực hiện Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về áp dụng điều khoản chuyên tiếp. Theo đó, tiền lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được xây dựng tăng thêm 8,35% 'theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so kế hoạch được tính thêm 2% mức tiền lương...' theo khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Mức tiền lương kế hoạch tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 55.800.000 đồng = $(31.000.000 \text{ đồng} \times 1,8 \text{ lần})$

- Mức tiền lương thực hiện tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị: $60.459.300 = 55.800.000 \text{ đồng} + (55.800.000 \times 8,35\%)$

- Quỹ tiền lương thực hiện năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: **725.511.600 đồng** = $(60.459.300 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng})$

2. Thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách

Thực hiện Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về áp dụng điều khoản chuyên tiếp, "Mức thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách được xác định dựa theo thời gian thực tế làm việc nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm



soát viên làm việc chuyên trách" theo Điều 23 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn (20% mức lương cơ bản)	Số tháng	Tổng quỹ thù lao thực hiện năm 2025
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	26.000.000	5.200.000	12	62.400.000
3	Thành viên BKS	02	25.000.000	5.000.000	12	120.000.000
	Tổng cộng					302.400.000

3. Tiền thưởng thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, tiền thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cụ thể như sau:

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	90.688.950
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
	Tổng cộng		113.488.950

II. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG KẾ HOẠCH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

1. Tiền lương kế hoạch của Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều 4, Điều 5 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, Công ty xác định quỹ tiền lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT, cụ thể như sau:

- Mức tiền lương kế hoạch tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 66.600.000 đồng
= (37.000.000 đồng x 1,8 lần)

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 799.200.000 đồng
= (66.600.000 đồng x 12 tháng)

2. Thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ: *Mức thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách, cụ thể như sau:*

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản	Mức thù lao công ty chọn	Số tháng	Tổng quỹ thù lao kế hoạch năm 2026
1	2	3	4	5	6	7 = 3 x 5 x 6
1	Thành viên HĐQT	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	31.000.000	5.200.000	12	62.400.000
3	Thành viên BKS	02	30.000.000	5.000.000	12	120.000.000
	Tổng cộng					302.400.000

3. Tiền thưởng kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, tiền thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cụ thể như sau:

Đvt: đồng

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức tiền thưởng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	99.900.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	01	7.800.000
3	Kiểm soát viên	02	15.000.000
	Tổng cộng		122.700.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.



Võ Minh Trang



CTY CP CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 /TTr-BKS

Cà Mau, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 19/12/2015 và sửa đổi bổ sung lần 03 ngày 28/7/2022;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/5/2022.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty), Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có kinh nghiệm, năng lực trong danh sách được Bộ tài chính chấp thuận và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng.
- Có uy tín, thương hiệu, được nhiều Công ty đại chúng tin cậy tại Việt Nam, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán Quốc tế.
- Có mức phí kiểm toán cạnh tranh, đảm bảo được nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

II. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn:

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, cụ thể:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC

Địa chỉ: Số 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà HUD Building, số 159 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp cả 05 đơn vị trên không đủ điều kiện theo công bố của Bộ Tài chính đến thời điểm kiểm toán thì Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn để Hội đồng quản trị quyết định chọn 01 (một) đơn vị khác đủ điều kiện, phù hợp quy định pháp luật thay thế mà không phải xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- Lưu VT; BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoàng Anh Vũ

Số: 02/QC-ĐHĐCĐ

Cà Mau, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được Đại Hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 19/12/2015 và được sửa đổi, bổ sung lần 03 ngày 28/7/2022.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (Công ty), đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông, đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Đối tượng áp dụng: Cổ đông/Người đại diện cổ phần của cổ đông có quyền biểu quyết, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

**CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện tham gia Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu theo danh sách số 01-2026/CĐ-CNBL ngày 06/3/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 3. Thủ tục đăng ký tham gia đại hội

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- Căn cước công dân/ Căn cước hoặc hộ chiếu;



- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

2. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận tài liệu Đại hội.

Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Thẻ biểu quyết (Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)

- Phiếu biểu quyết (Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông ngày 06/3/2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.

CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Chủ tọa, Đoàn chủ tịch

Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT đương nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp. Chủ tọa chỉ định các thành viên Đoàn chủ tịch để thực hiện điều hành Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự theo kế hoạch của Ban tổ chức, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp theo ngày đã chốt;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội về điều kiện tiến hành họp và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

Ban Thư ký/Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Thư ký/Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch gồm các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông.
- Soạn thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết các vấn đề được Đại hội thông qua.
- Công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết trước Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội. Thành viên ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

+ Tổ chức phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

+ Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

Điều 9. Các cổ đông tham dự Đại hội

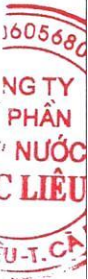
1. Cổ đông/Người ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp (*Các nội dung thông qua Đại hội theo chương trình đính kèm*).

2. Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông: ăn mặc lịch sự, thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

CHƯƠNG IV**THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI****Điều 10. Thảo luận tại Đại hội**

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;
- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp. Đoàn Chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của các cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời. Trường hợp nhiều ý kiến của cổ đông trùng nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ trả lời chung cho tất cả cổ đông.

Điều 11. Biểu quyết thông qua tại Đại hội**1. Nguyên tắc biểu quyết**

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết

a) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

Biểu quyết đối với Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

- Biểu quyết nội dung các tờ trình; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS.

3. Cách thức biểu quyết:

a) Hình thức Thẻ biểu quyết (giơ thẻ):

Theo hướng dẫn của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, cổ đông lần lượt biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn chủ tịch.

b) Hình thức Phiếu biểu quyết (bỏ phiếu):

- Biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*). Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

4. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát hành và không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu;
- Phiếu không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông;
- Phiếu biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết.

5. Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội:

Cổ đông, đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông phải được Thư ký ghi vào biên bản Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu và được đăng tải lên Website của Công ty.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu gồm IV Chương 13 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: HS ĐHĐCĐ 2026.



Võ Minh Trang

